|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS AN KHÁNH**  **TỔ TỰ NHIÊN**  **--------------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**MÔN HỌC: TOÁN LỚP 8 HỌC KỲ II**

**(NĂM HỌC 2020-2021)**

**Chủ trì: Giáo viên dạy toán khối 8**

**Đối tượng: Học sinh khối 8**

**Địa điểm: Lớp học. Giờ thực hành thì ngoài sân trường**

1. **PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐẠI SỐ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Bài dạy** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 42 | Chương III. §1. Mở đầu về phương trình | 1 | Học sinh hiểu thế nào là phương trình một ẩn, tập nghiệm của phương trình, phương trình tương đương.  Học sinh hiểu khái niệm giải phương trình, bước đầu làm quen và biết cách sử dụng qui tắc chuyển vế và qui tắc nhân. |
| 43 | §2. Phương trình bậc nhất 1 ẩn và cách giải | 1 | Học sinh nắm được định nghĩa phương trình bậc nhất một ẩn , hai qui tắc biến đổi tương đương phương trình và cách giải phương trình bậc nhất một ẩn. |
| 44 | §3. Phương trình đưa được về dạng ax + b = 0 | 1 | Học sinh biết sử dụng các phép biến đổi tương đương phương trình để đưa được phương trình về dạng bậc nhất một ẩn. |
| 45 | Luyện tập | 1 | Học sinh được rèn kỹ năng giải phương trình bậc nhất một ẩn và một số phương trình đưa được về dạng bậc nhất một ẩn. |
| 46 | §4. Phương trình tích | 1 | Học sinh biết thế nào là phương trình tích và cách giải phương trình tích.  Học sinh ôn tập các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử, nhất là kỹ năng thực hành. |
| 47 | Luyện tập | 1 | Học sinh rèn kỹ năng giải phương trình tích. |
| 48  49 | §5. Phương trình chứa ẩn ở mẫu  §*Mục 4. Áp dụng tự học có hướng dẫn* | 2 | Học sinh nhận diện được phương trình chứa ẩn ở mẫu. Biết cách tìm ĐKXĐ của PT và cách giải pt chứa ẩn ở mẫu.  Nâng cao kỹ năng tìm điều kiện để giá trị của phân thức được xác định, biến đổi phương trình, các cách giải phương trình đã học. |
| 50 | Luyện tập | 1 | Rèn kỹ năng giải phương trình . |
| 51  52  53 | Giải bài toán bằng cách lập phương trình + Luyện tập  *§6+§7+ luyện tập ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Giải bài toán bằng cách lập phương trình”*   1. *Biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn*   *2.Giải bài toán bằng cách lập phương*  *trình (Chọn lọc tương đối đầy đủ về các*  *thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế).*  *§7 Giải bài toán bằng cách lập phương trình*  *?3 Tự học có hướng dẫn*  *§7 Giải bài toán bằng cách lập phương trình*  *?1; ?2 Tự học có hướng dẫn*  *Luyện tập Bài tập 10;12 khuyến khích học sinh tự làm* | 3 | Học sinh nắm chắc các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.  Biết cách chọn ẩn, lập luận đi đến phương trình, giải phương trình và kết luận bài toán.  Phân biệt được một số dạng toán: Chuyển động, năng suất, công việc, cấu tạo số, tính tuổi, toán có nội dung hình học…. |
| 54  55 | Ôn tập chương III với sự trợ giúp của MT | 2 | Học sinh ôn luyện giải phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình |
| 56  57 | **Kiểm tra giữa kì học kỳ II ( 2 tiết**  **( Cả số học và hình học)** | 2 | - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài toán giải phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Vận dụng kiến thức về định lý Ta lét, tam giác đồng dạng vào bài tập chứng minh.  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. |
| 58 | Chương IV. §1. Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng | 1 | Học sinh hiểu kiến thức về bất đẳng thức. Các tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng.  Biết chứng minh bất đẳng thức nhờ so sánh giá trị các vế. |
| 59 | §2. Liên hệ giữa thức tự và phép nhân | 1 | Học sinh hiểu các tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân . Phân biệt rõ hai trường hợp nhân với số dương, nhân với số âm. |
| 60 | Luyện tập | 1 | Rèn kỹ năng làm bài tập về liên hệ thứ tự và phép cộng, phép nhân. |
| 61 | §3. Bất phương trình 1 ẩn | 1 | Học sinh biết thế nào là bất phương trình một ẩn, tập nghiệm của bất phương trình, bất phương trình tương đương.  Biết kiểm tra một số có là bất phương trình một ẩn hay không?  Biết viết và biểu diễn trên trục số tập nghiệm của các bất phương trình. |
| 62  63  64 | §4. Bất phương trình bậc nhất 1 ẩn Luyện tập  *Bài tập 21;27 khuyến khích học sinh tự làm* | 3 | Học sinh biết thế nào là bất phương trình bậc nhất một ẩn, hai qui tắc biến đổi bất phương trình, cách giải bất phương trình bậc nhất một ẩn và bất phương trình đưa được về dạng bậc nhất một ẩn.  Biết giải một số bất phương trình bậc nhất một ẩn. |
| 65 | §5. Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối | 1 | Học sinh được nhắc lại kiến thức về giá trị tuyệt đối. Giải được một số phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối. |
| 66 | Luyện tập | 1 | Rèn kỹ năng giải phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối |
| 67 | Ôn tập chương IV | 1 | Học sinh hệ thống được kiến thức chương 4 đã học  Rèn kỹ năng Giải bất phương trình một ẩn, phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối. |
| 68  69 | **Kiểm tra cuối học kỳ**  ( Cả số học và hình học) | 2 | - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài giải phương trình, giải bất phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng vào bài tập chứng minh tam giác đồng dạng, tính tỉ số hai đoạn thẳng, chứng minh đẳng thức...  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. |
| 70  71  72 | Ôn tập cuối năm | 3 | Học sinh hệ thống toàn bộ kiến thức năm học: Hằng đẳng thức, các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử, các kiến thức về phân thức đại số và phép tính trên phân thức. Phương trình, bất phương trình và giải bài toán bằng cách lập phương trình.  Vận dụng được lý thuyết vào giải quyết bài tập. |
| 73 | Trả bài kiểm tra học kỳ ( phần đại số ) | 1 | Đánh giá bài làm của học sinh, đánh giá kiến thức của từng học sinh, học sinh hiểu được trình độ của mình từ đó đưa ra hướng học tập trong những năm học tiếp theo. |

1. **PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN HÌNH HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Bài dạy** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 32 | Chương II §4. Diện tích hình thang | **1** | Học sinh biết công thức tính diện tích hình thang. Sử dụng được công thức để tính diện tích hình thang, tính một đáy nếu biết diện tích, đáy còn lại và đường cao, tính đường cao nếu biết diện tích và hai đáy. |
| 33 | §5. Diện tích hình thoi | **1** | Học sinh biết công thức tính diện tích hình bình hành, hình thoi ( 2 cách). Sử dụng được công thức để tính diện tích hình thoi, tính cạnh nếu biết diện tích và đường cao, tính đường cao nếu biết diện tích và cạnh, tính một đường chéo nếu biết diện tích và đường chéo còn lại. |
| 34 | Luyện tập | **1** | Học sinh vận dụng thành thạo công thức tính diện tích hình thoi, hình thang để làm các bài tập liên quan |
| 35 | §6.DT đa giác | **1** | Học sinh biết cách tính diện tích một đa giác bất kỳ dựa vào tính chất của diện tích và công thức tính diện tich các hình tam giác, hình chữ nhật, hình thang, hình bình hành… |
| 36 | Chương III. §1.Định lý Ta-lét trong tam giác | **1** | Học sinh hiểu khái niệm tỉ số của hai đoạn thẳng, Định nghĩa đoạn thẳng tỉ lệ. Định lý Ta-lét trong tam giác. |
| 37 | §2.Định lý đảo và hệ quả của định lý Ta-lét | **1** | Học sinh nắm chắc định lý đảo và hệ quả của định lý Ta-let  Vận dụng định lý để xác định được các cặp đường thẳng song song |
| 38 | Luyện tập  *Bài tập 14 khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh vận dụng được định lý Ta lét thuận, đảo và hệ quả vào giải quyết các bài toán tìm độ dài đoạn thẳng và chứng minh. |
| 39 | §3.Tính chất đường phân giác của tam giác | **1** | Học sinh hiểu rõ định lý về tính chất đường phân giác của tam giác. Biết sử dụng định lý để tìm độ dài đoạn thẳng và chứng minh đẳng thức. |
| 40 | Luyện tập  *Bài tập 21 khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh vận dụng được lý thuyết vào giải quyết các bài tập trong SGK, SBT |
| 41 | §4.Khái niệm hai tam giác đồng dạng | **1** | Học sinh hiểu khái niệm hai tam giác đồng dạng, tỉ số đồng dạng, tính chất hai tam giác đồng dạng. |
| 42 | Luyện tập | **1** | Vận dụng khái niệm để chứng minh hai tam giác đồng dạng.  Vận dụng tính chất hai tam giác đồng dạng để tính độ dài và tìm số đo góc. |
| **Chủ đề: Các trường hợp đồng dạng của tam giác**  **( Tiết 43,44; 45; 46; 47; 48)** | | | |
| 43  44  45  46 | **3 Trường hợp đồng dạng của tam giác + Luyện tập** | **4** | Học sinh hiểu rõ các trường hợp đồng dạng của hai tam giác: c.c.c; c.g.c; g.g.  Biết sử dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác để chứng minh tam giác đồng dạng, từ đó tính độ dài đoạn thẳng, tính góc, chứng minh đẳng thức… |
| 47 | **§8.Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông**  *( Điều chỉnh:Mục 2, ? Hình c và hình d, giáo viên tự chọn độ dài các cạnh sao cho kết quả khai căn là số tự nhiên, ví dụ: . )* | **1** | Học sinh hiểu rõ các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông.  Hiểu được liên hệ giữa tỉ số hai đường cao, tỉ số hai diện tích của hai tam giác đồng dạng với tỉ số đồng dạng.  Biết sử dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông để chứng minh tam giác đồng dạng, từ đó tính độ dài đoạn thẳng, tính góc, chứng minh đẳng thức… |
| 48 | **Luyện tập các trường hợp đồng dạng của tam giác** | **1** | Rèn kỹ năng chứng minh tam giác đồng dạng, tính độ dài đoạn thẳng, tính góc, chứng minh đẳng thức… |
| 49 | §9 Ứng dụng thực tế của tg đồng dạng | **1** | Học sinh biết được ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng. |
| 50  51 | §10 Thực hành (đo chiều cao một vật...) | **2** | Học sinh rèn kỹ năng đo gián tiếp chiều cao một vật. Đo hoảng cách giữa hai điểm mà một điểm không đến được dựa vào kiến thức của tam giác đồng dạng. |
| 52 | Ôn tập chương III với sự trợ giúp của MT  *Điều chỉnh:*  *+Bài tập 57/trang 92:Không yêu cầu học sinh làm*  *+Bài tập 61 khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh hệ thống kiến thức chương 3: Định lý Ta -lét, tam giác đồng dạng và các trường hợp đồng dạng của tam giác.  Vận dụng được lý thuyết vào bài tập |
| 53  54  55  56 | Chương IV. §1. Hình hộp chữ nhật  §2. Hình hộp chữ nhật  *+Mục 2. Đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng song song với mặt phẳng và haimặt phẳng song song với nhau*  *+Bài tập 8 khuyến khích học sinh tự làm*  §3. Thể tích hình hộp chữ nhật  *+Mục 1. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau*  *+Bài tập 12 khuyến khích học sinh tự làm* | **4** | Học sinh phải nắm được các kiến thức:  Hình hộp chữ nhật: Các mặt, các cạnh, các đỉnh  Hình lập phương  Mặt phẳng và đường thẳng  Đường thẳng song song với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song  Hai mặt phẳng vuông góc.  Công thức tính thể tích, diện tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương  Vận dụng được lý thuyết vào bài tập |
| 57  58 | Hình lăng trụ đứng  *§4+§5+§6+ Luyện tập cả 4 bài Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hình lăng trụ đứng”*   1. *Hình lăng trụ đứng* 2. *Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng* 3. *Thể tích của hình lăng trụ đứng*   *(Thừa nhận, không chứng minh các công thức tính thể tích của các hình lăng trụ đứng* | **2** | Học sinh hiểu rõ các kiến thức:  Hình lăng trụ đứng :Đỉnh, mặt bên, cạnh bên, hai đáy  Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của lăng trụ đứng.  Vận dụng được lý thuyết vào bài tập. |
| 59  60  61  62 | §7. Hình chóp đều và hình chóp cụt đều  §8.DT xung quanh hình chóp đều  *+Mục 2 Ví dụ khuyến khích học sinh tự đọc*  *+Bài tập 42 khuyến khích học sinh tự làm*  §9. Thể tích của hình chóp đều  *+Bài tập 45;46 khuyến khích học sinh tự làm*  Luyện tập  *+Bài tập 48;50 khuyến khích học sinh tự làm* | **4** | Học sinh hiểu rõ các kiến thức:  Hình chóp đều :Đỉnh, mặt bên, cạnh bên, đáy, đường cao, trung đoạn  Hình chóp cụt đều:  Công thức tính diện tích, thể tích của hình chóp đều.  Vận dụng được lý thuyết vào bài tập |
| 63 | Ôn tập chương IV  *+Bài tập 55;57;58 khuyến khích học sinh tự làm* | **1** | Học sinh hệ thống lại toàn bộ lý thuyết chương 4  Sử dụng được lý thuyết vào làm bài tập. |
| 64  **65**  **66** | Ôn tập cuối năm | **3** | Học sinh hệ thống toàn bộ kiến thức: đa giác, các tứ giác đặc biệt, công thức tính diện tích tam giác, các tứ giác đặc biệt. Định lý Ta lét, tam giác đồng dạng, hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đứng, hình chóp..  Vận dụng được lý thuyết vào bài tập |
| 67 | Trả bài kiểm tra học kỳ ( phần hình học ) | **1** | Đánh giá bài làm của học sinh, đánh giá kiến thức của từng học sinh, học sinh hiểu được trình độ của mình từ đó đưa ra hướng học tập trong những năm học tiếp theo. |

**III. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì II | 90 phút | Tuần 26  Tháng 3/2021 | - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài toán giải phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Vận dụng kiến thức về định lý Ta lét, tam giác đồng dạng vào bài tập chứng minh.  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. | Trắc nghiệm và Tự luận viết trên giấy |
| Cuối học kì II | 90 phút | Tuẩn 34  Tháng 4/2021 | - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng có được vào làm bài giải phương trình, giải bất phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng vào bài tập chứng minh tam giác đồng dạng, tính tỉ số hai đoạn thẳng, chứng minh đẳng thức...  - Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.  - Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. | Trắc nghiệm và Tự luận viết trên giấy |

***An Khánh, ngày 12 tháng 1 năm 2021***

**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**